

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÂU Ở TRẺ EM TỪ 1 ĐẾN 3 TUỔI

NGUYỄN THẾ DẶNG

1. Trước khi có ngôn ngữ, trẻ em đã giao tiếp với người lớn bằng cử chỉ, điệu bộ, bằng những tiếng "bập bẹ"... Vào khoảng 1 năm tuổi, trẻ có những câu nói đầu tiên. Những câu này mang đậm dấu ấn của hoạt động giao tiếp trước tiếng nói: Chúng được cấu tạo bằng các ngữ đoạn bao gồm 1 từ với những tiếng "bập bẹ" - chưa phải là từ: chẳng hạn, trẻ dùng những câu sau đây để gọi bà, gọi mẹ, gọi bố: "bá ơi", "ba ơi", "bờ ơi", "bà ơi", "ờ ơi", "ơ". 1.0⁽¹⁾. Tiếng "bập bẹ" có vai trò như từ trong việc tạo nên các câu nói đầu tiên. Từ 1.6 trở đi, khi câu nói của trẻ đã có nhiều từ thì tiếng "bập bẹ" chêm vào chỉ có vai trò "làm đầy", hoàn chỉnh "bức tranh" ngữ âm của câu nói: "Mẹ ư.ư ... bánh". (Đòi mẹ cho bánh). Hiện tượng này được A. A. Lêôn chép gọi là hiện tượng "từ rỗng"⁽²⁾.

2. Giai đoạn từ 1 đến 1.6 là giai đoạn câu 1 từ⁽³⁾. Những câu đầu tiên là những câu kêu gọi, không có nội dung mệnh đề mà chỉ có chức năng xác lập liên lạc. Tiếng nói xuất hiện với chức năng xác lập quan hệ giữa trẻ với những con người trong xã hội.

Chừng 1 đến 2 tháng sau, trẻ mới có những câu 1 từ, biểu thị ý muốn của mình. Ví dụ, một cháu 1.1. dùng câu "Em!" với những mục đích sau:

- Xin một cái gì đó. ("Cho em!")
- Đòi được làm một việc gì đó (đòi xuống đất, ra sân...)
- Yêu cầu đừng trêu mình.

Tùy theo tình huống lúc trẻ nói câu này, có thể suy đoán ra yêu cầu của trẻ. Tính mệnh đề của loại câu này có thể đoán định được. Theo chúng tôi, đây là loại câu chỉ có phần Thuyết trên bề mặt, phần Đề bỏ trống, chỉ "anh"⁽⁴⁾.

Hoạt động nói của trẻ đã phản ánh quan hệ giữa trẻ và sự vật, hiện tượng. Quan hệ tay ba: Trẻ - đối tượng - người lớn được thực hiện thông qua ngôn ngữ.

Từ 1.3 đến 1.6, trẻ thường dùng những câu mô tả hành động, trạng thái của bản thân mình: -"Đau" (Tay em đau), -"Ba năm" (Em tập thè dục), -"Đẹp" (Em có áo đẹp)... Loại câu này cũng chỉ có phần Thuyết trên bề mặt, phần Đề bỏ trống, chỉ "tôi". Khoảng 1.6, trẻ còn có những câu kiểu như:

- "Bố ơi, về"
- "Mẹ ơi, trông này"
- "Mẹ ơi, rửa"

- "Mẹ ơi, đau quá" ! ...

Đây là những câu chỉ có phần Thuyết, phần Đề bỏ trống chỉ "chúng ta", chỉ "anh", chỉ "tôi", có thêm hô ngữ ở đằng trước, với tư cách là một yếu tố cú pháp. Những câu nói có đủ hai phần Đề-Thuyết cũng xuất hiện ngay sau đó.

Ví dụ: - "Bố về"

- "Mẹ rửa đau"

- "Tô cần !" (ô tô cần)...

Những câu kêu gọi, những hô ngữ chiếm tỷ lệ cao trong lời nói của trẻ, lứa tuổi từ 1.0 đến 1.6. Sở dĩ như vậy, vì hoạt động của trẻ trong giai đoạn này chủ yếu là hoạt động với con người trong xã hội - hoạt động giao lưu. Trẻ chơi với búp bê, bẻ ngoài là hoạt động đối tượng, nhưng thực chất, trẻ "coi búp bê là bạn", chơi với búp bê là chơi với bạn⁽⁵⁾. Vì thế trẻ mới gọi búp bê - "Bé ơi!", gọi con cóc - "Cóc ơi!", gọi ô tô - "Tô ơi", tìm quả chanh - "Chanh ơi!"... Từ "ơi" trong ngôn ngữ của trẻ 2.0 đến 3.0 vẫn là từ có tần số xuất hiện cao nhất⁽⁶⁾.

3. Trong khoảng thời gian từ 1.6 đến 3.0, câu kêu gọi dần dần mất đi vai trò chính yếu của nó trong lời nói trẻ em. Theo Lưu Thị Lan, 1.6 câu kêu gọi chiếm 13,5%, 2.0-3,4%, 2.7 - 1,3%, 2.11. - 2,2%⁽⁷⁾. Điều đó chứng tỏ hoạt động đối tượng ở trẻ - được phản ánh qua lời nói - ngày càng đa diện và phức tạp hơn.

Sự phát triển của câu ở trẻ từ 1.6 đến 3.0 được thể hiện qua cấu tạo ngữ đoạn của hai phần Đề-Thuyết:

- Phần Đề có cấu tạo bằng 1 từ: "Mẹ", "con", "ô tô" (1.6).

1 ngữ: "Con cô", "cái bụng"... (1.10)

1 tiêu cú: "Mày đánh tao" (2.10)

- Phần thuyết có cấu tạo bằng 1 từ: "Đẹp!", "Em!" (1.1)

1 ngữ: "Rửa đau", "cần em"... (1.7)

1 tiêu cú "Mẹ đón Huy về"

"Mẹ cho anh đi"... (2.3)

1 liên hợp tiêu cú:

"Thằng Doanh nóng đầu thì

con gọi mẹ" (3.0)

Trong câu nói của trẻ, phần Đề thường được cấu tạo bằng 1 từ hay 1 ngữ. Một ngữ ở phần Đề thường chỉ bao gồm 1 từ trung tâm và 1 từ bổ sung ý nghĩa cho nó. Trong khi đó, một ngữ ở phần Thuyết lại có cấu tạo rất phức tạp. Ví dụ từ "Đi" được trẻ mở rộng thành động ngữ bằng các yếu tố phụ:

- Chỉ mục đích: "chơi" (2.7), "xem vườn hoa" (2.4),

"bắt con kiến" (2.4), "đón cô về" (2.6)

- Chỉ thời gian, quá trình: "sẽ" (2.3), "khi nào" (2.3) sự phủ định: "không" (2.6)...

- Chỉ cách thức: "thế nào được" (2.5)

- Chỉ hướng, đích: về quê (2.9), "qua xóm làng" (2.6), "mẹ Trí" (2.9)

4. Rất khó xác định các câu ghép trong lời nói của trẻ. Những câu kiểu như "Cháu đi

ngủ, cháu ăn bánh". (ví dụ của Lưu Thị Lan. TLDD, tr 109) có thể tách ra làm hai câu đơn mà không ảnh hưởng gì đến nội dung. Những câu phản ánh quan hệ nhân quả, quan hệ điều kiện-kết quả đến khoảng 2.10. trở đi mới xuất hiện trên lời nói của trẻ, với số lượng ít ỏi⁽⁸⁾.

5. Trên đây là những nhận xét bước đầu về quá trình hình thành và phát triển câu ở trẻ em Việt Nam, lứa tuổi từ 1.0 đến 3.0. Những nhận xét đó dựa trên cấu trúc cơ bản của câu - cấu trúc gồm 2 phần Đề-Thuyết. Theo cách làm như thế, có thể chia quá trình này ra làm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn hình thành cấu trúc đầy đủ của câu: giai đoạn từ 1.0 đến 1.6.

Trong giai đoạn này, các phần Đề-Thuyết xuất hiện trên lời nói. Câu nói của trẻ gắn liền với cảnh huống giao tiếp, chịu sự ảnh hưởng rõ nét của hoạt động giao tiếp trước tiếng nói.

b) Giai đoạn mở rộng cấu trúc câu: giai đoạn từ 1.6 đến 3.0.

Trong giai đoạn này, câu nói của trẻ chủ yếu được mở rộng ở phần Thuyết, và mở rộng về phía sau. Kỹ năng ngữ pháp của trẻ có thể được coi là đã hình thành về cơ bản.

CHÚ THÍCH

(1) Chúng tôi dùng hai số để chỉ lứa tuổi của trẻ: số đầu chỉ năm, số sau chỉ tháng. Ví dụ: 1.0. - Một năm không tháng, 1.1. - một năm một tháng...

(2) A. A. Leontyev - *xlovo v rechevoi deyatelnosti* M. 1965 Xtr 96.

(3) Nguyễn Hi Kan - *Proxexur formirovaniya i razvitiya detxkoi rechi - Avtoreferat dixxertaxii kandidata filologichexkih nauk* M. 1990 - Xtr 17.

(4) Chúng tôi áp dụng một số kết quả nghiên cứu tiếng Việt trên quan điểm ngữ pháp chức năng của Cao Xuân Hạo, trình bày trong cuốn *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng - Quyển 1 - NXB khoa học xã hội - 1991. trang 148-152.*

(5) Nguyễn Ánh Tuyết, Phạm Hoàng Gia, Đoàn Thị Tâm. *Tâm lý học trẻ em trước tuổi học - NXB giáo dục - 1988, trang 44.*

(6) Theo thống kê của chúng tôi trên khoảng gần 3000 câu nói của trẻ lứa tuổi từ 2.0 đến 3.0, từ "ơ" có tần xuất là 644 chiếm 4,92% số lượt từ được khảo sát.

(7) Lưu Thị Lan - Một vài nhận xét về đặc điểm phát triển từ vựng và ngữ pháp trong ngôn ngữ của trẻ em thành phố lứa tuổi từ 1.0 đến 3.0 - "Mầm xanh" - Khoa ngữ văn, DHTH Hà nội - 1975, trang 108.

(8) Các quan hệ từ chiếm tỷ lệ rất thấp trong vốn từ của trẻ, đặc biệt là những quan hệ từ có thể được trẻ vận dụng để thành lập câu ghép. Chúng tôi chỉ thấy có 3 quan hệ từ: "thì" - tần số là 6, "nếu" - tần số là 1, "nhưng" - tần số là 1 trên độ dài văn bản thống kê là 13.096 lượt từ. Điều này có thể minh họa thêm cho nhận xét trên.